

VÀI NÉT VỀ BIÊN SOẠN BÁCH KHOA THƯ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

BÙI PHƯƠNG LINH *

Tóm tắt: Các dân tộc Việt Nam hiện nay có hơn 200 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận cấp Quốc gia và UNESCO. Việc biên soạn *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam* sẽ là nguồn tư liệu để tìm hiểu lịch sử, văn hóa, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Bài viết trình bày vài nét về khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn, quy trình biên soạn *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam*.

Từ khóa: Di sản văn hóa phi vật thể, bách khoa thư, dân tộc thiểu số.

Abstract: Vietnam's ethnic groups currently have more than 200 intangible cultural heritages recognized at the National and UNESCO levels. The compilation of the *Encyclopedia of Intangible Cultural Heritages of Ethnic Minorities in Vietnam* will be a source of information to study the history, culture, and art of Vietnam's ethnic minorities. This article presents some features about the concept, theoretical and practical basis, and the compilation process of the work.

Keywords: Intangible cultural heritages, encyclopedia, ethnic minority.

1. Mở đầu

Di sản văn hóa phi vật thể là những sản phẩm vật chất và tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân có giá trị lịch sử, được

công nhận qua khoản 1 Điều 1 của *Luật di sản văn hóa sửa đổi 2009*, “là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác” [5].

Theo đó, tại Điều 2 *Nghị định 98/2010/NĐ-CP* quy định: “Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian” [1].

Biên soạn *Bách khoa thư Di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam*¹ nhằm giới thiệu những tri thức cơ bản như văn hóa, tín ngưỡng, ngôn ngữ, chữ viết, văn học dân gian,... về di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: phuonglinhvass62@gmail.com

Việc biên soạn mang ý nghĩa giáo dục, quảng bá văn hóa, lịch sử, thu hút khách du lịch, các nhà nghiên cứu, vừa tạo sự phát triển kinh tế du lịch.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Cơ sở lý luận

Bách khoa toàn thư là bộ sách tra cứu kiến thức tổng quát của nhiều lĩnh vực được ghi chép lại khái quát những kiến thức mà loài người đã trải qua hàng ngàn năm đúc kết. Bộ sách *Encyclopedia Britannica* bằng tiếng Anh và bộ *Brockhaus* bằng tiếng Đức là một trong những bộ bách khoa thư điển hình trên thế giới, được các học giả nghiên cứu, lấy kinh nghiệm để thực hiện những bộ bách khoa thư mang tính chuyên ngành, đặc trưng văn hóa,... Hiện nay trên thế giới, các nhà nghiên cứu đang thực hiện những bộ bách khoa thư mang tính chuyên ngành như bách khoa toàn thư về y học, bách khoa toàn thư về triết học, bách khoa toàn thư về luật học, bách khoa toàn thư về văn hóa,... Hoặc những bộ bách khoa thư được thực hiện dựa trên góc độ văn hóa, dân tộc, quốc gia như bộ *Đại bách khoa toàn thư Xô Viết*, *Bách khoa thư Do thái giáo*,...

Nguồn gốc tên gọi của từ tiếng Anh “encyclopedia” nghĩa là bách khoa thư được biết tới phổ biến như ngày nay, là do bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp cổ là từ *ἐγκύκλιος παιδεία* (*enkuklios paideia*), trong đó từ *ἐγκύκλιος* nghĩa là phổ biến rộng rãi, *παιδεία* có nghĩa là giáo dục. Tuy nhiên, từ *encyclopedia* được sử dụng nhiều trong các công trình nghiên cứu và trở nên phổ biến vào khoảng thế kỷ XVI. Lịch sử hình thành Bách khoa thư học có từ rất lâu, vào khoảng hơn 2.300 năm, trong đó, Hy Lạp cổ đại, La Mã cổ đại, Trung Quốc cổ đại là những nơi có các tác phẩm được viết theo dạng bách khoa toàn thư xuất hiện sớm nhất trên thế giới. Những tác phẩm bách khoa thư sau đó được biên soạn ngoài chức

năng tra cứu tìm kiếm, còn được gửi gắm giáo dục vào trong những cuốn bách khoa thư, nhằm truyền đạt nhiều kiến thức khoa học tới nhân loại. Bách khoa toàn thư phát triển theo nền văn hóa của phương Đông và phương Tây. Bách khoa thư trong quá trình này nằm rải rác, chưa tập trung thành các bộ bách khoa thư mang tính khái quát như hiện nay. Nhiều tác giả đã cố gắng tập trung tri thức nhân loại nhằm đưa ra những bộ bách khoa thư tổng hợp tri thức cổ đại như *Naturalis historia* gồm 37 tập về thế giới tự nhiên của Pliny già, Minh Thành tổ Trung Quốc cho biên soạn bộ *Vĩnh Lạc đại điển* hiện nay còn 400 tập còn lưu,...

Ở Việt Nam, có nhiều tác giả nghiên cứu về bách khoa thư được nhiều người biết tới như Nguyễn Kim Thản, Hà Học Trạc,... Mỗi nhà nghiên cứu có cách hiểu, lập luận khác nhau trước quan điểm về bách khoa thư như: Nguyễn Kim Thản cho rằng bách khoa thư có đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu khoa học riêng với các ngành khoa học khác. Ông cho rằng bách khoa thư học là các công trình bách khoa về các lĩnh vực: thực hành tổ chức, biên soạn, biên tập công trình bách khoa; nghiên cứu lý luận, phương pháp, kỹ thuật biên soạn công trình bách khoa [7]. Còn Hà Học Trạc cho rằng bách khoa thư bao gồm các hoạt động thực hành trong chu trình biên soạn, xuất bản các công trình bách khoa. Các nhà nghiên cứu đến nay vẫn chưa có sự đồng thuận quan niệm về chuyên ngành bách khoa thư [8].

Các công trình bách khoa trải qua thời gian dài đã được phân loại theo từng đặc điểm của công trình.

- Theo chức năng cụ thể, có bách khoa thư và từ điển bách khoa.

- Theo nội dung, các công trình chia làm hai loại chính: tổng thể tất cả các tri thức của nhân loại (gọi là bách khoa toàn thư tổng

hợp), hoặc những tri thức của một lĩnh vực (gọi là bách khoa toàn thư chuyên ngành).

- Theo quy mô của công trình các loại: lớn, vừa, nhỏ, còn có loại tóm tắt, bỏ túi.

- Theo lứa tuổi của người đọc: người lớn, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. còn bách khoa thư riêng cho phụ nữ, người già.

- Theo cấu trúc (hay cách trình bày): trình bày theo thứ tự chữ viết hay theo đề tài.

- Theo phạm vi đề cập tới chia các công trình bách khoa làm: chung (toàn cục) và riêng (địa phương, dân tộc,...).

- Theo phương thức xuất bản: Bách khoa in làm nhiều tập và một tập. Loại nhiều tập chia làm hai kiểu: không định kỳ và định kỳ.

- Theo phương tiện truyền đạt (hay cách tiếp thu) thông tin: sách in, bằng hình ảnh động và âm thanh.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, một số tác phẩm nghiên cứu về di sản văn hóa dân tộc được xuất bản, như Viện Dân tộc học có hai công trình mang tính định hướng cho các nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam là *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)* (1978) và *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (1984), đều do Nxb. Khoa học xã hội ấn hành. Nghiên cứu về điều kiện địa lý tự nhiên, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ của dân tộc thiểu số Việt - Mường, Hmông - Dao, Tày - Thái,...

Hoặc *Từ điển lễ hội Việt Nam* (1993) của Bùi Thiết, *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam* (1995) do Hữu Ngọc chủ biên cũng có đưa vào một số lễ hội tiêu biểu của các dân tộc thiểu số như: Lễ hội Lồng tồng của người Tày, Lễ hội Kate của người Chăm,... nhưng vẫn còn thiếu khá nhiều và chỉ mới tập trung vào các lễ hội của người Việt.

Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam biên soạn bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam* (4 tập), Nxb. Từ điển bách khoa xuất bản rải rác lần lượt vào các năm 1995, 2002, 2003 và 2005, cũng có nhiều mục về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nhưng do tính chất của bộ từ điển bách khoa đa ngành của cả nước nên các mục từ về dân tộc thiểu số chủ yếu là mục từ mang tính tổng quát như: tiếng Tày, Tày, tiếng Thái, Thái,... và rất ngắn gọn.

Theo khảo sát, các nước trên thế giới như Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc,... đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu về đời sống văn hóa xã hội của các dân tộc thiểu số ít người, nhưng chưa có một công trình bách khoa thư nào về di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số.

Các công trình trình bày được tương đối đầy đủ các loại hình văn hóa, tín ngưỡng, ngôn ngữ, chữ viết, văn học dân gian của một số dân tộc ở Việt Nam. Theo hiểu biết của chúng tôi thì chưa tìm thấy nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung và di sản phi vật thể nói riêng.

3. Vài nét về quy tắc biên soạn *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam*

Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam được biên soạn dựa theo tiêu chí là tập hợp các tri thức về di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, dựa trên nghiên cứu của các nhà nghiên cứu để có thể tổng quát những kiến thức, đúc kết từ kinh nghiệm của thế hệ trước để có thể biên soạn thành cuốn bách khoa thư cỡ vừa.

Công trình bách khoa thư được biên soạn dựa theo một số cách sau: 1) Theo năm công nhận di sản của Quốc gia/

UNESCO tính từ năm 2012 đến hiện nay; 2) Theo vị trí địa lý; 3) Theo loại hình của di sản. Trong ba cách trên, công trình *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam* lựa chọn biên soạn theo năm công nhận di sản của Quốc gia/ UNESCO, hạn chế việc bỏ sót các di sản văn hóa phi vật thể được công nhận.

Công trình *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam* bao gồm nhiều di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận. Cụm từ “di sản thể giới của nhân loại” không còn sử dụng trong công ước 1972, thay vào đó, UNESCO nhấn mạnh rằng di sản văn hóa phi vật thể thuộc về cộng đồng và nhóm người cụ thể, đồng thời việc xếp hạng các di sản văn hóa phi vật thể thành một hệ thống thứ bậc, phân chia cao - thấp, đều bị bác bỏ mà thống nhất tất cả di sản văn hóa phi vật thể đều bình đẳng, đều có giá trị đối với cộng đồng, nhóm người, cá nhân sáng tạo ra chúng.

Quy trình biên soạn *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam* bao gồm: lựa chọn mục từ, biên soạn mục từ, biên tập mục từ,... nhằm đảm bảo sự thống nhất về hình thức và nội dung được biên soạn. Nhằm đáp ứng yêu cầu của người tra cứu không chỉ tìm kiếm được thông tin cần thiết một cách khoa học, mà còn giúp người tra cứu có thể nhìn ra được mối liên hệ của mục từ đó với nhiều mục từ khác, do đó dễ dàng nắm bắt được vấn đề hơn.

Bảng mục từ của công trình không sắp xếp theo thứ tự chữ cái tiếng Việt, cũng không chia theo chủ đề hay khu vực mà được trình bày theo diễn tiến thời gian nhằm giúp người đọc có cái nhìn toàn cảnh và so sánh về sự phát triển của các dân tộc tại cùng một thời điểm ở quá khứ.

Về mục tiêu: bách khoa thư là loại sách công cụ, phục vụ cho việc giáo dục, tự học, tự bồi dưỡng một cách hệ thống và cơ bản.

Về mặt nội dung: nhóm tác giả có thể gặp vấn đề khó khăn về độ nông sâu của mục từ để phù hợp với tri thức của những người tra cứu - những người sử dụng sách có nhu cầu rất khác với độc giả các sách thông thường khác. Độc giả cần tìm kiếm các tri thức được cung cấp trong mục từ của bách khoa thư mà chưa được giải đáp ở những cuốn sách thông thường khác. Khối lượng tri thức mà các tác giả đưa vào phải phù hợp với trình độ văn hóa, tuổi tác, trình độ độc giả để họ có thể nắm bắt được thông tin. Độ nông sâu của mục từ không phù hợp với người tra cứu sẽ ảnh hưởng tới việc phổ cập tri thức bách khoa.

Cuốn bách khoa thư này đã được các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa, lịch sử, văn học tham gia nghiên cứu, biên soạn. Họ thuộc những lĩnh vực khác nhau nên có cái nhìn đa chiều về giá trị lịch sử, văn hóa mà những di sản văn hóa phi vật thể thể hiện.

Nội dung mục từ chỉ hoàn thiện khi khâu biên tập kỹ thuật, biên tập nội dung kiểm tra, đối chiếu tư liệu, sự thống nhất giữa nội dung, hình ảnh minh họa, chữ viết, chính tả,... để đảm bảo bản thảo cuối cùng trước khi xuất bản có thể hoàn chỉnh nhất.

Cuốn bách khoa thư đưa những thông tin chi tiết qua nhiều hình thức khác nhau như các bài thơ, tranh ảnh, hình vẽ trang phục,... phù hợp với từng nội dung mục từ. Phần nội dung mục từ chứa đựng thông tin chính xác, toàn diện, tường tận, đích xác và cuốn hút, trình bày nhiều màu sắc bắt mắt, kích thích trí tưởng tượng, dễ dàng ghi nhớ.

Ngoài ra, trong những mục từ cần chú giải, hoặc bổ sung thông tin mới sẽ có phần

tra cứu theo vẫn giúp người tra cứu dễ dàng tra cứu. Cuối sách có thêm phần dữ kiện tóm tắt thông tin giúp người đọc có cái nhìn tổng quát mục từ. Thêm đó còn có thêm các ô số liệu, dữ kiện ghi các con số thống kê, dữ kiện, sự kiện và mốc thời gian then chốt để nhấn mạnh chủ đề, những đối tượng cụ thể. Ngoài ra, mục từ có thể có thêm phần đọc thêm, giúp người tra cứu có thể tham khảo chéo các mục từ có liên quan.

4. Mục từ mẫu

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả lựa chọn mục từ về lễ hội để làm mục từ mẫu dựa theo những tiêu chí sau: Định nghĩa di sản văn hóa; Của dân tộc; Nguồn gốc; Nội dung; Vị trí địa lý; Tình trạng; Tên người biên soạn; Tài liệu tham khảo.

LỄ HỘI KHÔ GIÀ GIÀ CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ ĐEN, lễ hội truyền thống, lễ hội cầu mùa lớn nhất và lâu đời nhất của người Hà Nhì đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể theo quyết định số 4205/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 19.12.2014. Đặc trưng của lễ hội thể hiện tín ngưỡng thờ thần nông nghiệp, thần rừng, thần nước, thần đất và thần tình duyên của cộng đồng người dân địa phương.

Lễ hội Khô già già của người Hà Nhì đen diễn ra theo lịch xưa tính từ ngày Thìn tới ngày Thân của tháng 6 âm lịch để tổ chức. Lễ hội cầu mùa của người dân tộc Hà Nhì gồm phần lễ và phần hội với các trò chơi dân gian mang đậm nét văn hóa của người dân tộc vùng cao.

Ngày đầu tiên của lễ hội vào ngày Thìn (ngày con rồng) là ngày làm nghi lễ lợp lại mái lán thờ. Họ lên rừng cắt cỏ gianh về lợp lại mái lán thờ, dọn cây cỏ, vệ sinh lán thờ sạch sẽ, cầu mong về một mùa vụ bội thu, cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Ngày thứ hai, nghi lễ quan trọng nhất - mổ trâu hiến tế thần linh tại khu rừng công viên “à gơ la do” nằm ở cuối làng. Theo quan niệm của người Hà Nhì, con trâu được chọn là trâu đực mới lớn, khỏe mạnh và được chăm sóc cẩn thận cho đến ngày làm lễ khoảng 1 tháng. Người chọn trâu phải là hai thanh niên khỏe mạnh, gia đình mẫu mực,

được dân làng nể trọng, đặc biệt trong năm không có tang sự. Khi mổ trâu, phần đầu trâu và dê sườn sẽ được giữ lại để cúng tế thần linh chung cho cả làng. Phần còn lại được chia đều cho các gia đình mang về làm lễ cúng tổ tiên, cầu mong tổ tiên bảo vệ gia đình, bảo vệ con cháu trong cả năm.

Ngày thứ ba, dân làng cử người lên rừng chặt gỗ làm đu quay và lấy dây rừng làm đu dây vào ban ngày. Cột đu quay và đu dây sẽ được đặt ở vị trí lán đã dọn dẹp hôm trước để thầy cúng thực hiện nghi lễ tiếp theo. Chiều tối ngày thứ ba, thầy cúng cùng đại diện các gia đình thôn chuẩn bị mâm lễ mang ra lán thờ để cùng làm lễ cúng thần linh. Mỗi gia đình tham gia buổi lễ sẽ lập một mâm lễ vật gồm thịt trâu, rượu và các sản vật làm được của gia đình như: thịt lợn, thị gà, trứng, lạc, đỗ tương, bí, dưa chuột,... rước từ nhà ra rừng góp với làng, bày tỏ lòng thành kính đến các thần linh che chở cuộc sống, phù hộ cho dân làng. Hoàn tất lễ cúng, các gia đình sẽ bê mâm cúng của từng hộ gia đình được mang vào khu lán thờ để cùng nhau ăn uống, cùng nhau vui chơi 3 ngày. Đặc biệt, trong những ngày diễn ra lễ hội, dân làng kiêng không chặt cây, cắt cỏ, băm chặt,... tránh mang lại điều không may mắn cho gia đình.

Lễ hội Khô già già mang ý nghĩa cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân bản có cuộc sống ấm no, đồng thời cũng là bày tỏ lòng biết ơn thần linh và cầu mong thần linh bảo vệ cho tất cả những người đến tham dự lễ hội, tham gia vào các trò chơi được an toàn.

Hiện nay, lễ hội Khô già già cũng có sự thay đổi. Ngoài dân làng tham gia lễ hội còn có sự tham gia của dân tộc khác cùng sinh sống ở địa phương và các du khách đến tham quan và tham gia các trò chơi như đẩy gậy, đu quay, kéo co, nhảy bao bố,... Hơn nữa, hòa chung vào không khí tung bừng, đậm đà bản sắc dân tộc của người Hà Nhì, là thanh niên tham gia lễ hội kết bạn, tìm người yêu thương, bạn đời.

BÙI PHƯƠNG LINH

Tài liệu tham khảo:

1. Lã Văn Lô (và các cộng sự), *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1959.
2. Tô Thị Thu Trang, *A Quý, A Gừ trong hội “Khô già già”*, Bộ Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003.

4. Kết luận

Bài viết phác thảo vài nét cơ bản từ khái niệm về di sản văn hóa phi vật thể, lịch sử hình thành và phát triển bách khoa thư, quy tắc biên soạn mục từ trong *Bách khoa thư di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam*, giúp độc giả, các nhà nghiên cứu có cái nhìn sơ bộ về bách khoa thư. Tuy có nhiều tài liệu nghiên cứu về các di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số, nhưng chưa có công trình tra cứu tổng hợp đầy đủ, có hệ thống về các di sản văn hóa. Việc biên soạn sẽ trở thành tài liệu cho các cơ quan, tổ chức bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, đồng thời vừa là nguồn tài liệu mở rộng sự giao thoa văn hóa Việt Nam với các nước.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp cơ sở do ThS. Bùi Phương Linh làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ, *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*, 2010.
- [2] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, 4 tập, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1995 - 2005.
- [3] Nguyễn Thị Kim Loan, Nguyễn Trường Tân (Chủ biên), *Quản lý di sản văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014.
- [4] Hữu Ngọc (Chủ biên), *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1995.
- [5] Quốc hội, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*, 2009.
- [6] Phạm Cao Quý, *Nghệ nhân thực hành di sản văn hóa phi vật thể*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2021.
- [7] Nguyễn Kim Thản, *Nguyễn Kim Thản tuyển tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
- [8] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.

⇒ Tiếp theo trang 65 (THIẾT KẾ CÁC MỤC TỪ VỀ VÙNG THẮT SƠN AN GIANG...)

- [2] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, 4 tập, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1995 - 2005.
- [3] Phạm Thị Huyền, *Về tiêu chí lựa chọn mục từ của Từ điển bách khoa Sông núi Việt Nam*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 4(72), tr. 67-71, 2021.
- [4] Trần Thị Hường, *Nghiên cứu biên soạn Từ điển bách khoa Sông núi Việt Nam*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5(73), tr. 77-83, 2021.
- [5] Huỳnh Lê Triều Phú, *Về một số tên núi ở tỉnh An Giang xưa và nay*, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 7(543), tr. 77-82, 2021.
- [6] Trần Thanh Phương, *Những trang về An Giang*, Nxb. Văn nghệ An Giang, An Giang, 1984.

- [7] Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, *Quy trình biên soạn Từ điển bách khoa Sông núi Việt Nam*, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6(80), tr. 100-105, 2022.
- [8] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [9] Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, *Địa chí An Giang*, tập 2, Nxb. An Giang, An Giang, 2013.
- [10] Viện Sử học (dịch và chú giải), *Đại Nam Nhất thống chí*, tái bản lần 2, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006.
- [11] <https://baoangiang.com.vn/that-son-bay-nui-bau-vat-dong-bang-song-cuu-long-a274245.html>.